

Bản án số: 134/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2022.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Sỹ Định và bà Nguyễn Vũ Như Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 23/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Hiền Vân 1, xã VH, huyện PL, tỉnh TTH. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn B, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn Hiền An 2, xã VH, huyện PL, tỉnh TTH. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 4 năm 2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Hồ Thị N trình bày như sau:

Chị và Nguyễn B đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2013, tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện PL, tỉnh TTH. Vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian 07 năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, giữa hai người bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, hay gây gổ, cãi vã xúc phạm nhau. Chị N có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh B không nghe. Từ tháng 03/2020, nguyên đơn và anh B sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay nguyên đơn không còn tình cảm vợ chồng, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 24/12/2013 và Nguyễn Hồ An K1, sinh ngày 20/3/2018. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết giao 2 cháu cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau:

Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh; Bản sao chứng minh nhân dân; Bản sao sổ hộ khẩu.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng quá thời hạn luật định anh B không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt.

Tại Bên bản xác minh ngày 30/5/2022, Ủy ban nhân dân xã VH và gia đình anh B cho Biết anh Nguyễn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Hiền An 2, xã VH, huyện PL. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã giao lại cho anh B nhưng anh không đến Tòa án do bận công việc làm ăn.

Tại phiên tòa ngày 08/7/2022, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 15 tháng 7 năm 2022. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Phát Bêu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các Phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa ngày 08/7/2022, làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đặt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N và anh Nguyễn B có đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2013, tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện PL, tỉnh TTH. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa hai người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Từ tháng 03 năm 2020, giữa hai người đã sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh B không đến, chứng tỏ bị đơn không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị N.

[2.2] Về việc nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án cháu Nguyễn Anh K cũng có nguyện vọng muốn ở với nguyên đơn. Đối với cháu Nguyễn Hồ An K1 mới hơn 4 tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, chị N có công việc ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc con phát triển bình thường nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao hai người con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử đã giải thích cho nguyên đơn rõ về các quy định của Luật hôn nhân gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Nhưng chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị N. Chị N được ly hôn anh Nguyễn B.

2. Về việc nuôi con: Giao 2 cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 24/12/2013 và Nguyễn Hồ An K1, sinh ngày 20/3/2018 cho chị Hồ Thị N được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hồ Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị N đã nộp tạm ứng án phí theo Bên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002473, ngày 25/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL. Chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Ni nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Đương sự;
- UBND xã VH;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

